

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
Trường THCS TRẦN QUỐC TUẤN
Tổ Ngữ văn

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN
KHỐI LỚP 7
TUẦN 28 (28/3 - 02/4/2022)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề Khối lớp 7	Sống chết mặc bay Ôn tập văn nghị luận
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i> Đọc và tìm hiểu chú thích SGK/ 79 (Tác giả, tác phẩm)	<p style="text-align: center;">Văn bản SỐNG CHẾT MẶC BAY</p> <p>I. <u>Đọc –hiểu chú thích:</u></p> <p>1. <u>Tác giả:</u> - Phạm Duy Tốn (1883-1924), quê ở Hà Tây. - Là cây bút truyện ngắn xuất sắc nhất ở nước ta khoảng 30 năm đầu thế kỉ XX.</p> <p>2. <u>Tác phẩm:</u></p> <p>a. <u>Xuất xứ:</u> - Ra đời trong buổi đầu hình thành thể loại truyện ngắn hiện đại của VN (đầu thế kỉ XX).</p> <p>b. <u>Thể loại:</u> Truyện ngắn hiện đại.</p> <p>c. <u>Bố cục:</u> Ba đoạn: Đ₁: Nguy cơ vỡ đê và sự chống đỡ của nhân dân Đ₂: Cảnh quan phủ cùng quan lại đánh tổ tôm trong khi đi hộ đê Đ₃: Cảnh đê vỡ nhân dân rơi vào tình trạng thảm sầu</p> <p>II. <u>Đọc- hiểu văn bản</u></p> <p>1. <u>Cảnh nhân dân đi hộ đê :</u> - Thời gian: 1 giờ đêm - Địa điểm: khúc đê làng X, phủ X - Không gian: Trời mưa tầm tã - Không khí: Nhồn nháo, căng thẳng - Hàng trăm nghìn con người trông thật là thảm.</p>
Đọc văn bản và trả lời câu hỏi 1,2,3,4 SGK/81, 82	

- Con đê ngày càng nguy hiểm:
+ Mưa tầm tã, vẫn mưa tầm tã trút xuống
+ Nước sông lên to quá, dưới sông nước cứ cuộn cuộn bốc lên
-> Sự bất lực của sức người trước sức trời. Sự yếu kém của thế đê trước thế nước.
→ Tình thế vô cùng nguy nan, khẩn cấp; thiên tai đang từng lúc giáng xuống đe dọa cuộc sống của người dân.

2. Cảnh quan phủ cùng nha lại , chánh tổng “đi hộ đê”

a. Khung cảnh nơi quan đi hộ đê:

- Địa điểm: Trong đình cao vững chãi
- Không khí, quang cảnh: Tĩnh mịch, trang nghiêm, nhàn nhã, đường bệ, nguy nga
- Quan ngồi trên, nha lại ngồi dưới, tất cả đang vui cuộc tổ tôm

b. Hình ảnh tên quan phụ mẫu:

- Tư thế: chễm chệ , tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra
- Dáng vẻ: Nhàn hạ, bệ vệ, oai phong
- Đồ dùng sinh hoạt: Quý phái, sang trọng, đắt tiền.
- Giọng điệu: hách dịch, sai bảo
- Ung dung ngồi đánh tổ tôm.

→ Miêu tả chân thực cuộc sống xa hoa, vương giả.

* Khi nghe tin đê vỡ:

- Thái độ điềm nhiên, chỉ lăm le chực người ta bóc trúng quân mình chờ mà hạ
- Thờ ơ, gất lên, mặc kệ
- Dửng dưng trước tin đê vỡ

→ Là kẻ vô trách nhiệm, ham mê cờ bạc.

* Khi đê vỡ:

- Tức giận, đỏ mặt tía tai
- “Đê vỡ rồi! Thờ ông cách cổ chúng mày, thờ ông bỏ tù chúng mày!” → chối bỏ trách nhiệm
- Ủ ván bài to → vui sướng, hả hê, khoái trá

Đọc ghi nhớ SGK/83

Xem lại khái niệm văn nghị luận, đặc điểm của văn nghị luận

Đọc lại các phép lập luận chứng minh, giải thích

→ Hách dịch, độc ác, tâng tặn lương tâm.
→ Phép tương phản xen kẻ tăng cấp
=> Lên án gay gắt tên quan phủ “ lòng lang dạ thú”; bày tỏ niềm thương cảm của tác giả với người dân trước cảnh thiên tai.

III. Tổng kết:

*Ghi nhớ (sgk)

Tập làm văn

ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN

I.Kiến thức về văn nghị luận:

1.Thế nào là văn nghị luận ?

Văn nghị luận là loại văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận.

2. Luận điểm, luận cứ, lập luận trong văn bản nghị luận:

- Luận điểm: là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm trong bài văn nghị luận.

- Luận cứ: là những lí lẽ và dẫn chứng làm cơ sở cho luận điểm.

- Lập luận: là cách sắp xếp luận cứ để dẫn đến luận điểm.

3. Lập luận chứng minh và lập luận giải thích:

* Lập luận chứng minh:

Mục đích: chứng tỏ luận điểm mới là đáng tin

Phương pháp: dùng những lí lẽ, dẫn chứng xác thực (đã được thừa nhận).

Yêu cầu: các lí lẽ, bằng chứng dùng trong phép lập luận chứng minh phải được lựa chọn, thẩm tra, phân tích thì mới có sức thuyết phục.

* Lập luận giải thích:

Mục đích: làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng, đạo lý, phẩm chất, quan hệ cần được giải

thích → nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cho con người.

Phương pháp:

- Nêu định nghĩa
- Nêu các biểu hiện
- So sánh, đối chiếu với các hiện tượng, vấn đề khác.
- Chỉ ra nguyên nhân, mặt lợi, ý nghĩa, cách noi theo
- Chỉ ra mặt hại, hậu quả, cách đề phòng.

Yêu cầu:

- Giải thích phải mạch lạc, logic, chặt chẽ.
- Ngôn từ trong sáng, dễ hiểu.
- Học nhiều, đọc nhiều, vận dụng tổng hợp các thao tác giải thích phù hợp.

4. Các dạng bài văn nghị luận :

* Bài văn lập luận chứng minh:

Mở bài

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề cần phải chứng minh.
- Trích dẫn ý kiến, câu danh ngôn, tục ngữ (nếu có)

Thân bài

- Phải giải thích các từ ngữ khó (nếu có)
- Lần lượt chứng minh từng luận điểm: nêu lí lẽ + dẫn chứng

Kết bài

Khẳng định lại vấn đề cần chứng minh.

Liên hệ cảm nghĩ, rút ra bài học.

* Bài văn lập luận giải thích:

Mở bài

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề cần giải thích
- Trích dẫn ý kiến, câu danh ngôn, tục ngữ (nếu có)

Thân bài:

- Giải thích rõ nội dung (giải thích các từ ngữ, khái niệm).
- Phân tích các mặt đúng về vấn đề giải thích
- Bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan tới vấn đề giải thích

	<p>- Đánh giá ý nghĩa (ngợi ca, phê phán)</p> <p>Kết bài</p> <p>- Khẳng định vấn đề nghị luận</p> <p>- Rút ra bài học – Liên hệ bản thân.</p> <p>II. Luyện tập :</p> <p>Đề 1: Em hiểu thế nào về câu tục ngữ : “ Uống nước nhớ nguồn”</p> <p>Đề 2: Nhân dân ta có câu tục ngữ “ Có công mài sắt, có ngày nên kim”. Hãy làm sáng tỏ ý nghĩa câu tục ngữ trên.</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>Hoàn thành bài văn vào tập.</p>